

## ĐẶC ĐIỂM VĂN HOÁ DÂN TỘC NGƯỜI H'MÔNG VỚI TRUYỀN THỐNG DÂN SỐ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

TRẦN THÙY DƯƠNG

**N**GUỒI Hmông là cư dân có dân số đứng thứ hai ở Lao Cai. Đời sống kinh tế xã hội người Hmông còn gặp rất nhiều khó khăn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến đời sống khó khăn là tỷ lệ tăng dân số cao, diện tích đất canh tác bình quân theo đầu người ngày càng giảm. Vì vậy nghiên cứu vấn đề dân số - kế hoạch hoá gia đình người Hmông là vấn đề cấp bách và cần thiết. Trong các biện pháp thực hiện kế hoạch hoá dân số, vấn đề truyền thống đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Ở lĩnh vực này, các đặc điểm văn hoá tộc người H'Mông đều chi phối, ảnh hưởng. Do đó nghiên cứu vấn đề truyền thống dân số phải coi trọng nghiên cứu các yếu tố văn hoá tộc người ảnh hưởng đến vấn đề dân số và truyền thống dân số.

### 1. Thực trạng vấn đề dân số ở vùng người Hmông

Người Hmông có số dân 558.053 người (1989) và gần 600.000 người (năm 1994). Người Hmông cư trú tập trung ở 12 tỉnh, và 21 huyện có số người Hmông từ 1 vạn dân trở lên. Theo kết quả điều tra dân số năm 1989, người Hmông là

dân tộc có tỷ suất sinh thô cao nhất (53,4%) (1). Đặc biệt về tỷ lệ sinh tổng cộng (số con bình quân cho một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) của cả nước giảm từ 4,7 con (1980-1984) xuống còn 4,1 con (giai đoạn 1985-1989) nhưng ở dân tộc Dao là 7 con (tăng 3,09%) và dân tộc Hmông có số con là 8,8 (tăng 4,51%) (2). Tuy nhiên trên địa bàn Lao Cai, số con bình quân cho một phụ nữ Hmông trong độ tuổi sinh đẻ có thấp hơn toàn quốc. Vào thời điểm năm 1985-1989 số con trong 1 phụ nữ Hmông là 8,7 con đến thời điểm 90-95 điều tra điểm ở 10 làng Hmông số con giảm xuống là 6,9 đến 8 con. Đây cũng là số con khá lớn (xem biểu 1).

**Biểu 1.** Quy mô số con ở phụ nữ Hmông trong độ tuổi sinh đẻ năm 1989

Huyện	Số lần sinh	Số con thực tế
Bảo Yên	6,9	5,8
Bắc Hà	7,1	6,3
Than Uyên	8,7	7,8
Sapa	7,8	7,1

Tuy nhiên, dân tộc Hmông cũng là dân tộc có tỷ lệ trẻ sơ sinh chết lớn nhất trong các dân tộc (106<sup>0</sup>/<sub>100</sub>). Do đó quy mô số con thực tế trong 1 gia đình Hmông có giảm.

Ở người Hmông, số phụ nữ kết hôn dưới 18 tuổi cũng khá lớn. Điều tra dân số năm 1989, toàn quốc có 39.757 phụ nữ Hmông từ 13 đến 17 tuổi, trong đó đã có 6.563 người có chồng chiếm tỷ lệ 21,33%. Ở Lao Cai tỷ lệ đó thấp hơn mới chiếm 19,5% (1989). Sự tăng dân số dẫn đến mật độ dân số tăng nhanh. Với nền kinh tế nương rẫy, bình quân mỗi một km<sup>2</sup> chỉ có khả năng nuôi được từ 5 đến 10 người. Có như vậy rừng mới kịp tái sinh và có đủ đất để canh tác theo phương thức này. Nhưng thực tế thống kê ở 37 xã tập trung người Hmông thuộc huyện Mù Căng Chải (Yên Bái) và Bắc Hà ở Lao Cai cho thấy mật độ trung bình từ 50 đến 67 người/km<sup>2</sup>. Bình quân đất gieo trồng cho một người Hmông ở Lao Cai năm 1960 là 0,208 ha, năm 1965 là 0,38 ha còn năm 1989 chỉ là 0,168 ha. Vì vậy, đời sống người Hmông càng lâm vào tình trạng khó khăn dẫn đến vấn đề du canh du cư. Điều tra ở 40 làng Hmông thuộc tỉnh Lao Cai có số người di cư thì đến 85% do nguyên nhân đất canh tác ít, lại bạc màu không trồng được ngô, lúa.

## II. Ảnh hưởng của văn hoá tộc người với vấn đề truyền thống dân số - kế hoạch hoá gia đình

1. Kinh tế truyền thống của người Hmông là kinh tế nương rẫy. Đặc điểm

của kinh tế nương rẫy là đòi hỏi cường độ lao động của cơ bắp rất cao. Do đó sức lao động trở thành nguồn tài sản quan trọng nhất. Gia đình nào có nhiều lao động thì số lương thực thu về càng nhiều. Trong xã hội truyền thống, gia đình đông con, dòng họ lớn là gia đình có điều kiện sản xuất tốt. Vì vậy đã tạo thành một tâm lý là cần đông con nhiều cháu. Tâm lý này càng được củng cố ở các làng Hmông còn du canh du cư. Sự đông con, nhiều cháu, dòng họ, gia đình phát triển là một tiêu chí củng cố các mối quan hệ xã hội. Tâm lý đông con hiện nay vẫn chi phối số đông người Hmông ở các vùng còn sản xuất nương rẫy. Điều tra ở 20 làng người Hmông thuộc diện cần vận động định canh định cư ở khu vực Nậm Chày - Văn Bàn, xã Hoàng Thu Phố huyện Bắc Hà và xã Hồ Mít huyện Than Uyên chúng tôi thu được kết quả như sau :

Số người phỏng vấn	Số người muốn có 5-7 con	Từ 3-4 con	Từ 1-2 con
Bắc Hà : 50 người	15	25	10
Than Uyên : 50 người	29	18	3
Văn Bàn : 50 người	28	16	6

Như vậy số người muốn có đông con vẫn chiếm 48% số người được hỏi ý kiến. Trong đó ở những làng chủ yếu làm kinh tế nương rẫy thì số người muốn

đông con vẫn chiếm từ 56% đến 58%. Số người muốn có từ 1 đến 2 con chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ chiếm từ 6% đến 20%. Số người này lại chủ yếu là những cặp vợ chồng trẻ dưới 30 tuổi, và vùng miền đông (Bắc Hà) số người muốn sinh ít con có tỷ lệ cao hơn miền tây Thanh Uyên đến 3,3 lần.

Một đặc điểm tâm lý thứ hai của người Hmông là tâm lý trọng con trai. Gia đình người Hmông trong xã hội truyền thống là gia đình phụ quyền. Gia đình là một đơn vị kinh tế khép kín có sự phân công lao động theo giới tính và lứa tuổi rất chặt chẽ. Trong quy trình canh tác nương rẫy, mọi công việc nặng nhọc, đòi hỏi sức khoẻ dẻo dai đều do nam giới đảm nhiệm. Họ là người chặt các cây to khi phát nương, là người cày nương. Chiếc cày Hmông là công cụ độc đáo nhưng khá nặng đòi hỏi phải dồn sức cơ bắp, nam giới phải đảm nhiệm khâu cày, vỡ đất. Trong các công việc như săn bắn, khai nước, làm nhà, làm nghề rèn... đều do nam giới đảm nhiệm. Còn phụ nữ lo tra hạt, làm cỏ, xe lanh, dệt vải, nội trợ... Sự phân công theo giới tính chặt chẽ đến mức người phụ nữ không thể làm các công việc của nam giới và ngược lại. Trong mối quan hệ xã hội, người chồng, người cha là chủ gia đình, đảm nhận cả chức năng chỉ đạo sản xuất và "đối ngoại". Nếu vắng mặt nam giới trong gia đình thì rất khó khăn cả trong việc sản xuất và giao tiếp.

Người Hmông quan niệm con trai là trụ cột của gia đình, con gái chỉ là người nội trợ chăm sóc con cái. Do đó khi mới sinh, nếu đẻ con trai nhau thai sẽ chôn dưới cột chính với ý niệm con trai là trụ cột. Nếu đẻ con gái, nhau thai chôn ở gầm giường với ý niệm con gái là người quán xuyến việc nhà. Và người Hmông có cả hệ thống tục ngữ ca ngợi việc sinh con trai, ca thán việc sinh con gái.

"Đẻ con gái như gáo nước đổ đi rồi không lấy lại được"

hoặc

"Con gái chỉ giúp nhà một thời  
Con trai mới giúp nhà cả đời"

Và bất hạnh là gia đình thiếu vắng đàn ông, đàn bà phải làm chủ nhà: "Đàn bà làm chủ thì nghèo, gà mái gáy thì gở". Quan niệm coi trọng việc sinh con trai vẫn còn chi phối khá nặng nề đối với người Hmông. Theo điều tra của chúng tôi có tới 84% nam nữ thanh niên đều mong có cả con trai, con gái. Trong đó 89% số người được hỏi ý kiến ở Thanh Uyên cho rằng một gia đình hạnh phúc phải có con trai. Có con trai không chỉ là niềm tự hào cho cả gia đình mà là niềm tự hào với cả dòng họ. Tuy nhiên ở những vùng đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gần thị trấn thì quan niệm phải có con trai chỉ chiếm khoảng 61% số người được hỏi.

Mặt khác cũng do đặc điểm kinh tế nương rẫy cần lao động khoẻ, do trình độ dân trí còn thấp, người dân ít am hiểu

pháp luật nên tỷ lệ tảo hôn ở vùng người Hmông còn khá cao chiếm tới 21,33% số phụ nữ trong độ tuổi từ 13 đến 17 tuổi. ở vùng du canh du cư như Than Uyên, vùng sâu Bát Xát số nữ thanh niên tảo hôn chiếm đến 23,4%. Tục ngữ Hmông cũng có một số câu phản ánh quan niệm này như "Con lợn nuôi béo dễ nhìn - Con gái nuôi lớn khó coi" hoặc "Trai mười sáu tuổi ước có đàn bà. Gái ba mươi tuổi ước có con trai đỡ đần".

2. Đặc trưng văn hoá tộc người cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác truyền thông dân số. Ở các làng Hmông còn sản xuất nương rẫy, tính chất tự cung tự cấp cao, du canh du cư, môi trường sống đóng kín thì những nơi này vấn đề truyền thông dân số gặp rất nhiều khó khăn. Trước hết là trình độ học vấn còn rất thấp. Tỷ lệ người dân chưa đến trường học còn rất cao. Tỉnh Lao Cai có 92,16% số người mù chữ, Lai Châu có 87,97% và Sơn La có 91,9% số người mù chữ (theo kết quả điều tra dân số 1989). Tỷ lệ mù chữ cao như vậy nên hình thức truyền thông bằng loại hình đọc không thích hợp. Do đó việc in các tờ rời, các khẩu hiệu bướm, tuyên truyền trên báo chí hiệu quả rất thấp, không đáng kể. Năm 1994 điều tra 200 người được phát tờ rời có tới 80,7% số người không biết nội dung tờ rời nói gì? Số người biết nội dung, có tới 69% hiểu sai. Ngay trong các cán bộ tuyên truyền kế hoạch hoá dân số ở cơ sở (các cộng tác viên)

có tới 1/3 là mù chữ. Do đó tuyên truyền bằng loại hình đọc, hoặc tuyên truyền bằng báo chí ở các làng Hmông kém hiệu quả. Năm 1993, Sở Văn hoá - Thông tin và Thể thao tiến hành nghiên cứu nhu cầu đọc báo của nhân dân vùng cao cho thấy trong 811 người trả lời phỏng vấn chỉ có 14 người đọc báo, chủ yếu là cán bộ xã. Tỷ lệ người đọc được báo ở các xã mới chiếm 1,72%. Thậm chí nhiều xã chỉ có 1 đến 2 người đọc báo.

Người Hmông thường cư trú ở vùng núi cao - địa bàn hiểm trở giao thông kém phát triển, lại mang tính khép kín. Do đó nhu cầu thông tin là nhu cầu đặc biệt cấp thiết ở vùng người Hmông. Kênh thông tin truyền thông của Hmông là thông tin trực tiếp. Hình thức thông tin trực tiếp vẫn giữ vai trò chủ đạo. Các hình thức thông tin này được thực hiện bằng những cuộc tụ họp nhóm nhỏ : dăm ba người đàn ông hút thuốc Lào trò chuyện, một tốp phụ nữ kể cho nhau nghe những thông tin mới nhất, những người đi chợ về, những người từ nơi xa đến là những nguồn truyền tin lớn ở cộng đồng làng bản. Vì vậy cần nghiên cứu phát huy các hình thức thông tin trực tiếp thành các kênh truyền thông dân số. Cần xác định kênh truyền thông này là kênh chủ yếu. ở đây vai trò của các đảng viên, tổ chức Đảng cơ sở rất quan trọng... Ở mỗi làng Hmông các đảng viên thường là những người có uy tín, nếu có kiến thức truyền thông dân

số tuyên truyền sẽ hiệu quả. Các hình thức tuyên truyền trực tiếp bao gồm các loại hình như sau :

- Tuyên truyền của tổ chức cơ sở Đảng, của đảng viên và cán bộ trong các cuộc họp.

- Tuyên truyền của các cộng tác viên trong sinh hoạt hàng ngày.

- Tuyên truyền của các đội thông tin lưu động tại cơ sở hoặc chợ phiên. - Tuyên truyền của những người thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá dân số. ..

Hiện nay ở Lao Cai, kênh truyền thông trực tiếp của cán bộ, đảng viên trưởng bản thực hiện kế hoạch hoá dân số ở từng thôn bản đạt được hiệu quả cao nhất. Trong cuộc khảo sát 811 người Hmông cả nam và nữ năm 1993 chúng tôi nhận thấy kết quả truyền thông trực tiếp đến với dân với tỷ lệ và các loại hình sau :

- Tuyên truyền của trưởng bản 39%
- Tuyên truyền của đảng viên 22%
- Tuyên truyền của cộng tác viên kế hoạch hoá gia đình 25%
- Tuyên truyền của đội TTLĐ 14%

Hiệu quả truyền thông trực tiếp phụ thuộc vào vai trò, uy tín của người truyền thông. Nếu là người có uy tín trong dòng họ, trong cộng đồng, thì hiệu quả truyền thông càng cao. Đồng thời các cán bộ truyền thông lại là những người thực hiện kế hoạch hoá dân số thì số người nghe và tin theo kiến thức truyền thông

càng lớn. Tại một số cơ sở người truyền thông là người đã đình sản, hiệu quả truyền thông của họ cao hơn hẳn những người khác. Vì tư duy người Hmông là tư duy cụ thể họ cần lượng thông tin thật. Có người thật việc thật, nội dung truyền thông càng trở nên hấp dẫn. Chính vì vậy, cần sử dụng các cá nhân đã thực hiện kế hoạch hoá gia đình tham gia các đội thông tin lưu động. Các đội TTLĐ được trang bị gọn nhẹ cả video, Kamera quay cảnh người thật việc thật, có điều kiện toả xuống các bản làng xa xôi. Chương trình của đội thường phù hợp, hấp dẫn với tư duy và tâm lý người Hmông. Giá trị tuyên truyền càng nâng cao, lượng thông tin càng có chiều sâu và lan rộng các đối tượng.

Bên cạnh công tác truyền thông bằng phương thức trực tiếp - truyền miệng cần mở rộng, nâng cao chất lượng kênh thông tin gián tiếp - tác động qua hệ thống nghe là chủ yếu. Trong đó radiô đóng vai trò rất quan trọng. Hiện nay ở Lao Cai bình quân có từ 62% đến 80% số hộ gia đình người Hmông có radiô và thường xuyên nghe radiô. Phương tiện này trở thành cánh cửa thông tin quan trọng ở các làng Hmông. Diện nghe tuyên truyền gián tiếp qua loa, đài rất lớn nhưng hiện nay chất lượng các chương trình phát thanh tiếng Hmông của đài tiếng nói Việt Nam, đài Lao Cai, Hà Giang và các tỉnh bạn còn rất thấp. Diện phủ sóng của các đài này còn hạn chế. Nội dung tuyên truyền chưa hấp dẫn do đó cần đổi mới chương trình phát

thanh tiếng Hmông cả nội dung và kỹ thuật phủ sóng. Giờ phát thanh nên phát thanh vào thời gian rỗi trong ngày của người Hmông : buổi sáng sớm hoặc buổi tối trước khi đi ngủ. Nội dung tuyên truyền cần kết hợp sử dụng các làn điệu dân ca, có chương trình văn nghệ đan xen.

Trong hệ thống thông tin đại chúng, chương trình truyền hình phát huy hiệu quả cao ở thành thị và đồng bằng nhưng ở vùng người Hmông lại gặp rất nhiều khó khăn. Toàn tỉnh Lào Cai có hơn 20 trạm thu phát truyền hình nhưng do điều kiện địa hình nhiều núi, khe nên lượng phủ sóng truyền hình rất hạn chế. Mặt khác các yếu tố kỹ thuật như điều kiện nguồn điện không đảm bảo (chạy bằng thuỷ điện hoặc máy nổ, điện năng không ổn định) nên chất lượng hình kém. Nhiều gia đình người Hmông chưa có điều kiện mua sắm tivi... Do đó truyền hình là kênh truyền thông quan trọng, hấp dẫn song chưa đạt được hiệu quả tốt ở vùng cao.

Như vậy, muốn đẩy mạnh công tác truyền thông dân số cần phải kết hợp nhiều loại hình thông tin, vừa coi trọng các loại hình truyền thông trực tiếp (như tuyên truyền phổ biến của trưởng bản, cán bộ, đảng viên, TTLĐ) vừa chú ý các loại hình thông tin gián tiếp như đài, vidêô... Trong đó, lượng thông tin trực tiếp tuy không có khả năng lan xa bằng

phương tiện thông tin gián tiếp nhưng lại hấp dẫn, có khả năng truyền cảm cao. Hình thức thông tin trực tiếp càng có hiệu quả ở những môi trường tập trung đông người (như chợ phiên, cuộc họp, lễ hội...). Do đó, trong điều kiện hiện nay, kênh truyền thông trực tiếp là kênh truyền thông hiệu quả và hấp dẫn nhất với vùng người Hmông. Đặc điểm này đòi hỏi các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ngành như : Dân số kế hoạch hoá gia đình, văn hoá thông tin có sự phối hợp chặt chẽ đề ra các chương trình tập huấn về nghệ thuật truyền thông, đào tạo bồi dưỡng các tuyên truyền viên. Mặt khác cần đầu tư thích đáng cho công tác truyền thông, cán bộ truyền thông ở vùng người Hmông. Qua khảo sát điều tra điểm ở Bắc Hà và Bảo Yên từ năm 1986 đến nay, những khu vực nào làm tốt công tác truyền thông thì tỷ lệ sinh giảm từ 5,1% xuống 3,8%. Tỷ lệ tăng dân số giảm từ 3,7% xuống còn 3,1% hoặc có nơi chỉ còn 2,9%. Như vậy đổi mới công tác truyền thông dân số là mũi đột kích quan trọng trong công tác kế hoạch hoá gia đình ở vùng người Hmông.

*Chú thích :*

- (1) Tổng điều tra dân số 1989, NXB Thống kê, Hà Nội, năm 1992
- (2) Khổng Diễn, Dân số và dân số học tộc người ; NXB Khoa học xã hội, H., 1995 tr.275